

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: GIÁO SU

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Lịch sử; Chuyên ngành: Dân tộc học

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: NGUYỄN VĂN CHÍNH

2. Ngày tháng năm sinh: 28/10/1956; Nam ; Nữ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Thủy Đường, huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Số nhà 436, đường Khương Đình, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Số nhà 436, đường Khương Đình, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0913049653.

E-mail: chinhnv@ussh.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 1 năm 1979 đến tháng 11 năm 1980: cán bộ giảng dạy Khoa Lịch sử, Đại học Tổng hợp Hà Nội

- Từ tháng 12 năm 1980 đến tháng 12 năm 1982: Tham gia quân đội, phục vụ tại Bộ Tham mưu, Quân khu 9.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
- Từ tháng 1 năm 1983 đến tháng 12 năm 1993: Cán bộ giảng dạy Khoa Lịch sử, Đại học Tổng hợp Hà Nội.

- Từ tháng 1 năm 1993 đến nay: Giảng viên Khoa Nhân học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Chức vụ hiện nay: Trưởng Bộ môn Nhân học Phát triển;

Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng Bộ môn, Phó Giám đốc Trung tâm NC Châu Á-Thái bình dương

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Nhân học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà nội.

Địa chỉ cơ quan: 336 đường Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Điện thoại cơ quan: (024) 35575185

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 14 tháng 8 năm 1992; số văn bằng: A024399 theo QĐ số 1767/QĐ ngày 26/12/1978; ngành: Lịch Sử, chuyên ngành: Dân tộc học; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Tổng hợp Hà Nội

- Được cấp bằng ThS ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước):

- Được cấp bằng TS ngày 11 tháng Giêng năm 2000; số văn bằng: No. 11561; ngành: Khoa học Xã hội; chuyên ngành: Khoa học Hành vi và Xã hội; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Amsterdam, Hà Lan.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày 28 tháng 12 năm 2007, ngành: Dân tộc học.

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành Sử học-Khảo cổ học-Dân tộc học.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nhân học về phát triển (anthropology of development)

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Tộc người và bản sắc văn hóa (ethnicity and cultural identity)
- Lịch sử dân tộc học/nhân học (development of ethnography/anthropology)

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 04 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: Trước PGS, chủ trì 2 đề tài khoa học hợp tác quốc tế và tham gia 01 đề tài cấp Nhà nước. Sau khi nhận học hàm PGS, đã hoàn thành 2 đề tài khoa học cấp Đại học Quốc gia (chủ trì), 01 đề tài khoa học cấp Nhà nước (thành viên).
- Đã công bố (số lượng) 85 công trình khoa học, bao gồm bài báo, chương sách và sách, trong đó có 06 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế ISI/Scopus (01 bài đăng trước PGS, TL 25) và 12 chương sách, bài báo khoa học được xuất bản bởi các nhà xuất bản có uy tín trên thế giới;
- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản: 03, trong đó 02 công trình xuất bản trước PGS bằng tiếng Anh và Pháp, do các nhà xuất bản có uy tín công bố (đồng chủ biên 01 chuyên khảo, viết chung 01 chuyên khảo (TL 19 và 32). Sau khi nhận PGS đã xuất bản một chuyên khảo phục vụ đào tạo (TL 85).
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, khách quan và trách nhiệm cao trong công tác và trong mọi hoạt động chuyên môn, đào tạo và nghiên cứu khoa học.
- Luôn gương mẫu trong thực hiện các nghĩa vụ công dân, quy định của pháp luật và của nhà trường, giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự nhà giáo và tôn trọng người học, được đồng nghiệp và học trò yêu quý
- Đã làm công tác giảng dạy đại học trên 40 năm, được đào tạo bài bản về chuyên môn và ngoại ngữ, hoàn thành tốt nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và giảng dạy được giao. Không ngừng trau dồi tri thức và đổi mới phương pháp để nâng cao chất lượng giảng dạy.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 43 năm 6 tháng
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2018-2019	03		01	02			
2	2019-2020	03		01	02			
3	2020-2021	03		01	01			
4	2021-2022	02		01	01			
03 năm học cuối								
1	2018-2019	03				135	135	270/426/256
2	2019-2020	03				135	135	225/546/256
3	2020-2021	03				165	45	210/334/256
4	2021-2022	02				145	45	145/285/256

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS, hoặc TSKH; tại nước: Hà Lan năm 2000

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: tiếng Anh.

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Đại học California, Berkeley (USA), Development Studies Program (Kultur Studier, Oslo University), Chương trình sau Đại học, Khoa Nghiên cứu khu vực học Á-Phi, Đại học Kyoto Nhật Bản

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BS NT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/C K2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Văn Toàn	NCS		Chính		2009 - 2012	Viện Dân tộc học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	28/10/2013
2	Hồ Thị Thành	NCS		Chính		2008 - 2014	Trường ĐH Khoa học Xã hội & Nhân văn	22/12/2015
3	Trịnh Thị Hạnh	NCS		Chính		2011 - 2017	Trường ĐH Khoa học Xã hội & Nhân văn	08/08/2018
4	Tạ Thị Tâm	NCS		Chính		2017 - 2020	Trường ĐH Khoa học Xã hội & Nhân văn	11/08/2021

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1	Chương « Cấu trúc trọng nam trong gia đình và tập quán sinh đẻ của người Việt » ; in trong sách <i>Gia đình trong tám gương xã hội học</i>	Sách tham khảo cho đào tạo sau đại học	Khoa học Xã hội, 2002 (đã tái bản nhiều lần)			231-256	Số 1630/XHNV- ĐT
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1	Di cư, đói nghèo và phát triển	Chuyên khảo	Khoa học Xã hội, 2021	01		426 trang	Số 1508/XHNV- ĐT ngày 14/6/2022
2	Chương “Một thế kỷ	Sách tham				33-67	Số 1630/XHNV-

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	dân tộc học Việt Nam, và những thách thức trên con đường đổi mới và hội nhập” trong sách <i>Một số vấn đề lịch sử và lý thuyết nhân học.</i>	khảo cho đào tạo sinh viên Nhân học	Tri thức 2014				ĐT
3	Chương “Nhân học đô thị” trong sách <i>Nhân học, ngành khoa học về con người</i>	Tham khảo	Đại học Quốc gia Hà Nội	01		257-276	Số 1630/XHNV-ĐT
4	Chương “Nhân học giáo dục” trong sách <i>Nhân học, ngành khoa học về con người</i>	Tham khảo	Đại học Quốc gia Hà Nội	02		296-311	Số 1630/XHNV-ĐT

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS:

- Các chương sách được in trong các sách CK do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản: 08 chương, lần lượt là TL số 37, 39, 45, 50, 53, 54, 56, 57.

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
1	The Making of Vietnamese Anthropology	Chủ nhiệm	D02-I-058 (The Toyota Foundation)	12/2022 – 11/2003	4/2004 Xếp loại tốt
2	The Japanese Representations in the Vietnamese School Textbook	Chủ nhiệm	Project No.028177 (Sumitomo Foundation)	03/2003 - 02/2004	4/2004 Xếp loại tốt
3	Giá trị truyền thống con người Việt Nam	Thành viên	KX07.02	1993 - 1996	9/1997 Xuất sắc
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

4	Vấn đề sinh kế và chăm sóc người tàn tật ở gia đình nông thôn vùng Đồng bằng sông Hồng	Chủ nhiệm	Cấp Đại học Quốc gia, Mã số QX08-03	2008-2010	27/9/2011 Xếp loại Tốt
5	Nghiên cứu bản sắc tộc người của người Ngái ở Việt Nam	Chủ nhiệm	Cấp Đại học Quốc gia, Mã số QG17.06	2017-2019	28.2.2022 Xếp loại xuất sắc
6	Nghiên cứu đánh giá xu hướng tín ngưỡng của cộng đồng dân tộc Mông theo đạo Tin Lành và một số hiện tượng tôn giáo mới vùng Tây Bắc	Thành viên	Cấp Nhà nước Mã số KHCN-TB.13X/13-18	2014-2016	31/7/2017 Xếp loại đạt Chứng nhận số 2017-53-890/KQNC của Bộ KH&CN

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS							
1	Tìm hiểu thêm vấn đề Thập tam trại	01	X	Tạp chí <i>Dân tộc học</i> ISSN 0866 7632			Số 2, tr.39 – 44	1985
2	Khu Thập tam trại: Nguồn gốc dân cư, tín ngưỡng thành hoàng và đặc điểm kinh tế (viết chung với NQN)	02		Tạp chí <i>Khoa học</i> (ĐHTH Hà Nội), ISSN: 0866-8612			Số 1, tr. 26 – 41	1986
3	Nghề thủ công trong cơ cấu kinh tế vùng đồng bằng Bắc Bộ	01	X	Tạp chí <i>Nghiên cứu Kinh tế</i> ISSN 0866-7489			Số 4 (170), tr. 34 – 44	1989
4	Vấn đề nông dân và làng xã Việt Nam qua một vài nghiên cứu gần đây của tác giả nước ngoài	01	X	Tạp chí <i>Dân tộc học</i> , ISSN 0866 7632			Số 2, tr. 72 – 75	1991
5	Truyền thống và biến đổi trong cấu	01	X	<i>Các giá trị truyền thống và</i>			Chương sách	1994

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	trúc cộng đồng làng Việt (Qua kết quả nghiên cứu làng La Tinh, xã Đông La, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây			con người Việt Nam hiện đại (Phan Huy Lê & Vũ Minh Giang chủ biên			KX07-02, tr. 325 – 352	
6	Vấn đề “chợ lao động” ở Hà Nội	01	X	Tạp chí <i>Xã hội học</i>			Số 2, tr. 58 – 69	1996
7.	Hậu dân tộc hay là sự trở về của dân tộc học (những thảo luận xoay quanh vấn đề đối tượng và phương pháp nghiên cứu)	01	X	Tạp chí <i>Dân tộc học</i> ISSN 0866 7632			Số 3(91) Tr. 61-71	1996
8	Biến đổi kinh tế - xã hội và vấn đề di chuyển lao động nông thôn – đô thị ở miền Bắc Việt Nam	01	X	Tạp chí <i>Xã hội học</i>			Số 2, tr. 25 – 38	1997
9	Work versus Education? An Empirical Study of Rural Education in a Transitional Economy of Vietnam	01	X	In: <i>Vietnamese Society in Transition. The Daily Politics of Reform and Change</i> . Edited by J. Kleinen. Het Spinhuis, Amsterdam ISBN 90 5589 170-3	NXB uy tín		Book chapter, tr. 64-101	1997
10	<i>Social Change in Rural Vietnam: Children’s Work and Seasonal Migration in Northern Vietnam</i>	01	X	Research School of Pacific & Asian Studies, Australian National University ANU, Canberra ISSN 0157-2776 ISBN 73152672-4	NXB uy tín		Research essays,	1997
11	Nhật Bản và các mối quan tâm về khu vực học	01	X	Tạp chí <i>Thông tin Khoa học Xã hội</i>			Số 11, tr. 18-26.	1998
12	Cấu trúc trọng nam trong gia đình và tập quán sinh đẻ của người Việt	01	X	Tạp chí <i>Xã hội học</i>			Số 3&4, tr. 85 – 97	1999
13	Góp phần nghiên cứu vấn đề lao động trẻ em	01	X	Tạp chí <i>Khoa học (ĐHQG Hà Nội)</i> . ISSN: 0866-8612			Số 2, tr. 01 – 11	1999
14	Phan Huy Le and His Works	02	X	<i>Liber Amicrum, Melanges Offrets au Professeurs Phan Huy Le</i> . Papin & Kleinen eds. CASA, IIAS, EFEO. Thanh Niên, Hanoi. ISBN 978-285-539-585-2			Chương sách tr. 227 – 240.	1999
15	Di dân nội địa ở Việt Nam: Những khuôn mẫu đang thay đổi và các chiến lược sinh tồn	01	X	In : Khoa Lịch sử, một chặng đường nghiên cứu khoa học. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội. ISBN 978-604-57-1983-1			Chương sách tr. 175-200	2000
16	Work Without Name: Changing Patterns of Children’s Work in a Northern Vietnamese Village			University of Amstersdam (UvA), the Netherlands			250 pages	2000
17	Cấu trúc trọng nam trong gia đình và tập quán sinh đẻ của người Việt	01	X	In: Mai Quỳnh Nam (Cb.) <i>Gia đình trong tâm gương</i>	Sách phức		Chương sách	2002

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

				xã hội học. NXb. Khoa học xã hội, Hà Nội (đã tái bản nhiều lần) ISBN 103756	vụ đào tạo		tr. 231-256	
18	<i>Vietnamese Village in Transition: Background and Consequences of Reform Policies in Rural Vietnam</i> by Bernhard Dahm and Vincent J. Houben	01	X	<i>Asian Journal of Social Sciences</i>			Vol. 30, No. 2 Tr. 455 – 457	2002
19	<i>Des Montagnards aux Minorites Ethniques. Quelle integration national pour les habitants des hautes terres du Vietnam et du Cambodge?</i> (Co-authored)	04		L'Harmattan & IRASEC, Paris & Bangkok, ISBN 2-7475-3288-7	NXB Uy tín		Sách viết chung, 354 trang	2003
20	Tổng quan về tình hình nghiên cứu trong lĩnh vực phát triển miền núi và công tác đào tạo cán bộ dân tộc thiểu số	02	X	Tạp chí <i>Dân tộc học</i> ISSN 0866 7632			Số 3, tr.18 - 28	2003
21	Learning a Trade for Life? Commercialized Craft and Child Labor in a Northern Vietnamese Village	01	X	In: <i>Acting Asian: Contradictions in a Globalizing World.</i> Japan Foundation, Tokyo & Manila ISBN 971-27-1782-8			Book chapter, tr. 63-90	2004
22	Mấy vấn đề Đông Nam Á trong sách giáo khoa phổ thông Việt Nam	01	X	Tạp chí <i>Nghiên cứu Đông Nam Á</i>			Số 3, tr. 38-48	2004
23	Gérer la “question ethnique” sur les hautes terres: un exercice d’équilibriste	02		In: <i>Vietnam Contemporain</i> , edited by Stephane Dovert et Benoit de Tréglodé. IRASEC – Les Indes Savantes ISBN 2-84654-045-4	NXB Uy tín		Book chapter Tr. 383-432	2004
24	Lao động của trẻ em trong nền kinh tế quá độ Việt Nam	01	X	Tạp chí <i>Xã hội học</i>			Số 2 (90), tr. 57-73.	2005
25	To be a Shoeshine Boy in Hanoi: A Different Childhood Narrative	05		<i>Journal Health and Human Rights</i> , Harvard School of Public Health ISSN: 10790969, 21504113	WoS/Scopus		Vol.8, No. 1 tr. 138 – 158	2005
26	Tiếp cận khu vực Mê-kông như một không gian văn hoá - xã hội	01	X	Tạp chí <i>Nghiên cứu Đông Nam Á</i>			Số 3, tr. 30 – 37	2005
27	Tập quán chăm sóc trẻ sơ sinh ở gia đình và cộng đồng	01	X	In: Viện Dân tộc học, <i>Thông báo dân tộc học 2005.</i> NXb KHXH, Hà Nội			Kỷ yếu hội nghị, Tr. 322-336.	2006
28	Socio-economic transition and child labor in Vietnam	01	X	<i>Vietnam Journal of Family and Gender Studies</i>			Vol.1, No. 2, tr. 33 -56.	2006
29	Children in Domestic Service: A Different Childhood Narrative	01	X	In: Butalia, U., J.W. Lee, M. Ohashi, K. Bolasko			Book chapter,	2006

				(Eds.) The Community of Asia: Concept or Reality? Anvil Publishing Inc. ISBN 971-27-1782-8			tr. 245-257	
30	Kiến thức, thói quen, và thực hành chăm sóc trẻ sơ sinh tại gia đình và cộng đồng ở các vùng nông thôn Việt Nam	01	X	In: Đại học Quốc gia Hà Nội, Một chặng đường nghiên cứu lịch sử (2001-2006). NXb Thế giới, Hà Nội			Book chapter, tr. 196-229	2006
31	Introduction: Mother of Waters (co-writer M.S. Diokno)	02		In: The Mekong Arranged & Rearranged (M.S. Diokno, Nguyen Van Chinh (Eds.) Mekong Press, Chiang Mai, Thailand ISBN-10:974-94804-9-X			Book chapter, Tr. 1-18	2006
32	Mekong Arranged and Rearranged (co-editors M.S Diokno)	02		Mekong Press, Chiang Mai, Thailand ISBN-10:974-94804-9-X			Edited volume, 230 pages	2006
II	Sau khi được công nhận PGS/TS (Tiếng Anh)							
33	Ancestor worship, Cultural Identity and Nationalism in Vietnam's Contemporary Anthropology	01	X	In: Research Center for Regional Resources, LIPI: "Question of Nationalism and Cultural Identity in Present Day Asia; Jakarta, Indonesia. ISBN 978-979-799-222-4			Book chapter, Tr. 147-172	2007
34	The Issues of Child Domestic Workers in Vietnam and Asia Viewed from a Comparative Perspective	01	X	<i>Vietnam Journal of Gender and Family Studies</i> ISSN 1859-1329			Vol.2 No.2, Tr. 39-54	2007
35	Statutory and Customary Forestry Rights and Their Governance Implications. The Case of Vietnam	03	X	IUCN: Gland, Switzerland and Hanoi, Vietnam ISBN: 978-2-8317-1124-9			Research essay, 44 pages	2008
36	From Swidden Cultivation to Fixed Farming and Settlement: Effects of Sedentarization Policies Among the Kmhmu in Vietnam	01	X	<i>Journal of Vietnamese Studies</i> ISSN 1559-372-X ISSN 1559-3738 (online) https://doi.org/10.1525/vs.2008.3.3.44	ISI/Scopus		Vol.3, Issue 3 Tr. 44-80	2008
37	Social Transformation and Children's Work in Vietnam	01	X	In: Hindman Hugh (Ed.) <i>The World of Child Labor: An Historical and Regional Survey</i> . New York: Sharpe M.E ISBN: 978-0-7656-1707-1	NXB uy tín		Book chapter Tr. 941-956	2009

38	Migrants in urban space: A case study of a slum in Hanoi	01	X	In: Vo Quang Trong & Amareswar Galla (eds.) <i>Museum and Urban Anthropology</i> ; Vietnam Museum of Ethnology: Hanoi. QĐXB: 1059-2009/CXB/2-118/TĐBK		Book chapter, Tr. 242-262	2009
39	From Swidden Cultivation to Fixed Farming and Settlement: Effect of Sedentarization Policies among Kmhmu in Vietnam	01	X	In: 'Minorities at Large: New Approaches to Minority Ethnicity in Vietnam', Chapter 2, in Philip Taylor (ed.), ISEAS, Singapore ISBN: 9789814345415	NXB uy tín	Book chapter, Tr. 44-80	2011
40	China's Confucius Institutes in and Its Civilizing Mission in the Mekong region"	01	X	In: The Asian Public Intellectuals (ed.), <i>Culture, Power and Practices: The Globalization of Culture and Its Implications for Asian Regional Transformation</i> . The Nippon Foundation, Bangkok		Conference proceedings Tr. 234-243	2013
41	Recent Chinese Migration to Vietnam	01	X	<i>Asian and Pacific Migration Journal</i> ISSN: 0117-1968 https://doi.org/10.1177/011719681302200102	ISI/Scopus	Vol.22, No.1, Tr.7-30	2013
42	Chinese Labour Migration into Vietnam's Engineering Procurement and Construction Sectors	01	X	<i>ISEAS Perspective</i> ISSN 2335-6677	Tạp chí uy tín	No. 46, Tr. 1-14	2014
43	Confucius Institutes in the Mekong Region: China's Soft Power or Soft Border?	01	X	<i>Issues & Studies</i> (World Scientific) ISSN (print): 1013-2511 ISSN (online): 2529-802X	ISI/Scopus	Vol. 50, No.4, tr. 85-117	2014
44	The Kmhmu in Vietnam: Sedentarization, Adaptation, and Marginalization	01	X	In: Renard, R.D., Anchalee S. (ed.) <i>Mon-Khmer: Peoples of the Mekong Region</i> . Chiang Mai: Chiang Mai University Press ISBN: 978-974-672-928-4		Book chapter, Tr. 62-95	2015
45	China's Comrade Money and Its Social-Political Dimensions in Vietnam.	01	X	In: Yos Santasombat (ed.), <i>Impacts of China's Rise on the Mekong Region</i> . Palgrave Macmillan ISBN 978-113-747-621-0	NXB Uy tín	Book chapter, Tr. 53-84	2015
46	Rural Unrest and Collective	01	X	<i>Peace & Policy</i>		Vol.20	2015

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	Protests in Vietnam.			ISSN 1043-647X.			Tr. 76-92	
47	China's economic integration and new Chinese migrants in the Mekong region	01	X	<i>Asian Review</i> ISSN 0857-3662 E-ISSN 2697-4495			Vol.28 No.2, Tr. 29-58	2015
48	Ancestor Worship and Reconstruction of National Identity in Vietnam's Post-Socialism Era	01	X	<i>Regional Journal of Southeast Asian Studies.</i> ISSN 2507-8895			Vol.1, No.1, Tr.143-163	2016
49	Education and the Role of Religions in History of Education in Vietnam	02		<i>Vietnam Social Sciences,</i> ISSN 1013-4328			No. 4, tr.1-18	2017
50	Rural Unrest and Collective Protests in Vietnam.	01	X	In: Satha-Anand, C. The Promise of Reconciliation? Examining Violent and Nonviolent Effects on Asia Conflicts. New York: Routledge ISBN 978-1-4128-5697-3 ISBN 978-1-4128-5663-8 DOI: 10.4324/9781315134291	ISI/ Scopus		Vol.20 Tr. 103-126	2017
51	New Religious Movements and Policy Responses in Vietnam: The Case of Protestant Hmong	01	X	<i>Religion, Public Policy and Social Transformation in Southeast Asia: Religion, Identity and Gender</i> ; Dicky Sofjan (ed.), <i>Focus 44</i> , Geneva ISBN 978-2-88931-201-6 (online) ISBN 978-2-88931-202-3 (print)	Tap chí uy tín		Vol.2, Tr. 175-208	2017
52	Southeast Asian studies: Looking forward, looking back	01	X	<i>Regional Journal of Southeast Asian Studies</i> ISSN 2507-8895			Vol.2, No. 2, Tr. 86-93.	2017
53	The Rise and Revitalisation of Ethnic Chinese Business in Vietnam	01	X	In <i>Chinese Capitalism in Southeast Asia: Cultures and Practices</i> , edited by Yos Santasombat, New York: Palgrave Macmillan ISBN 978-981-10-4695-7 ISBN 978-981-10-4696-4 (ebook) DOI:10.1007/978-981-10-4696-4_11	NXB uy tín		Book chapter Tr. 257-276	2017
54				In: <i>The Sociology of</i>				2018

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	China's Economic Integration and New Chinese Immigrants in the Mekong Region	01	X	<i>Chinese Capitalism in Southeast Asia: Challenges and Prospects</i> , edited by Yos Santasombat. New York: Palgrave Macmillan. DOI: 10.1007/978-981-13-0065-3_9	NXB uy tín		Book chapter, Tr. 195-220	
55	Memories, Migration and the Ambiguity of Ethnic Identity: The Cases of Ngai, Nung and Khach in Vietnam.	01	X	<i>Asian and African Area Studies</i> , (Kyoto University) ISSN: 2188-9104 Online ISSN: 1346-2466 Print ISSN-L: 1346-2466 https://doi.org/10.14956/asafas.17.169	Top 100 Đh hàng đầu thế giới		Vol.17 Issue2 Tr. 207-226	2018
56	Vietnamese Anthropology at the Crossroads of Change	01	X	In: <i>Southeast Asian Anthropologies, National Traditions and Transnational Practices</i> , edited by Eric C. Thompson and Vineeta Sinha, National University of Singapore Press, Singapore ISBN: 978-981-4722-96-4 ISBN: 978-981-3250-09-3 (ebook)	NXB Uy tín		Book chapter Tr. 83-108.	2019
57	Vietnam — China Economic Cooperation: Aid or Burden? (co-authored with Dinh Thi Thanh Huyen)	02	X	In: Suthiphand Chirathivat et al. (edited), <i>China's Rise in Mainland ASEAN, Regional Evidence and Local Responses</i> . World Scientific, Singapore ISBN 9789811217036 ISBN 9789811217403 (ebook) https://doi.org/10.1142/9789811217043_0008	NXB uy tín		Book chapter Tr. 185-207	2020
58	Ethnic Chinese in the Sino-Vietnamese Borderlands: Debates over Loyalty and Identity	01	X	<i>Journal of Vietnamese Studies</i> ISSN 1559-372-X https://doi.org/10.1525/vs.2021.16.4.1	ISI/ Scop us		Vol. 16, Issue 4 Tr. 1-35	2021
III	Sau khi được công nhận PGS/TS (Tiếng Việt)							

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

59	Một thế kỷ dân tộc học Việt Nam, và những thách thức trên con đường đổi mới và hội nhập	01	X	Tạp chí <i>Khoa học Xã hội</i> ISSN 1013-4328 (Bản sớm hơn của bài này đã in trên Tạp chí <i>Văn hoá Dân gian</i> , số 5 (2007), 47-67)		Số 2(27) Tr. 87-108	2008
60	Bản sắc văn hóa và chủ nghĩa dân tộc trong Nhân học: Những thảo luận về tục thờ cúng tổ tiên ở Việt Nam.	01	X	In: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân Văn. <i>Văn hóa Tôn giáo trong bối cảnh toàn cầu hóa</i> (Religious Culture in the Context of Globalization). NXB Tôn giáo, Số Xb: 434-2010/CXB/47-64/TG		Kỷ yếu Hội thảo quốc tế, Tr. 606-654	2009
61	Thờ cúng tổ tiên, bản sắc văn hóa và chủ nghĩa dân tộc trong nhân học văn hóa Việt Nam	01	X	Tạp chí <i>Nghiên cứu Con người</i> . ISSN 0328-1557 (bản sớm hơn đã công bố tại hội thảo khoa học quốc tế 2009 ở trên)		Số 2 tr. 21-32	2010
62	Về những đại diện của tộc người thiểu số trên báo chí Việt Nam	01	X	Tạp chí <i>Văn hóa Dân gian</i> ISSN 0866-7284		Số 4(130) Tr. 3-17	2010
63	Báo chí Việt Nam viết về các tộc người thiểu số nhìn từ lăng kính nhân loại học văn hóa	01	X	Tạp chí <i>Xưa và Nay</i> ISSN 868-331X		Số 357, 358 & 359 (tr.3-17)	2010
64	Cấu trúc và giải cấu trúc bản sắc văn hóa Hà Nội.	01	X	Đại học Quốc gia Hà Nội: <i>Khoa Lịch sử Một chặng đường nghiên cứu lịch sử (2006-2011)</i> , NXB Thế giới, Hà Nội.		Chương sách Tr. 163-192	2011
65	Dân tộc học ở Mỹ: Đặc điểm, khuynh hướng và cơ sở lý luận	01	X	Tạp chí <i>Dân tộc học</i> ISSN 0866 7632		Số 1+2 Tr. 103-114	2013
66	Một thế kỷ dân tộc học Việt Nam và những thách thức trên con đường đổi mới và hội nhập (bài viết in lại, dùng làm tài liệu tham khảo cho sinh viên Nhân học tại USSH)	01	X	Nhiều tác giả: <i>Một số vấn đề lịch sử và lý thuyết nhân học</i> . NXB Tri Thức, Hà Nội ISBN: 978-604-943-035-0	Sách phục vụ đào tạo	Chương sách Tr. 33-67	2014
67	Vấn đề tộc người ở các nước phương Tây: Một cái nhìn tham chiếu cho Việt Nam., số.	01	X	Tạp chí <i>Dân tộc học</i> ISSN 0866 7632		Số 1+2 Tr. 22-34	2014
68	Nhà dân tộc học Hoàng Lương và hành trình đi tìm người Tày Thái cổ ở Việt Nam.	01	X	Tạp chí <i>Dân tộc học</i> ISSN 0866 7632		Số 1+2 Tr. 147-150	2015
69	Vấn đề tộc người trong nghiên cứu nhân học các nước Đông Nam Á.	01	X	Tạp chí <i>Dân tộc học</i>		Số 1+2	2015

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

				ISSN 0866 7632			Tr. 135-146	
70	Lý thuyết về tộc người và những thách thức mới trong nghiên cứu tộc người ở Việt Nam.	01	X	Tạp chí <i>Dân tộc học</i> ISSN 0866 7632			Số 1 + 2 Tr. 131-146	2016
71	Giáo dục tôn giáo và vai trò của tôn giáo trong lịch sử giáo dục Việt Nam (viết chung).	02		Tạp chí <i>Nghiên cứu Tôn giáo</i> ISSN 1859-0403			Số 5 (155) 81-101	2016
72	Đường sắt, du lịch và đô thị miền núi: Trường hợp Sa Pa (viết chung).	02	X	In: Khoa Lịch sử (ed.) <i>Lịch sử đô thị Việt Nam</i> , Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội			Chương sách, tr. 497-524	2016
73	Người Ngái ở Việt Nam, các nhóm địa phương và bản sắc tộc người	01	X	Viện Dân tộc học (ed.) <i>Những vấn đề cơ bản và cấp bách về dân tộc, tộc người ở nước ta hiện nay. Lý luận và thực tiễn.</i> NhXb Khoa học Xã hội ISBN 978-604-956-108-5			Chương sách Tr. 177-206.	2017
74	Cải đạo, thích ứng và biến đổi văn hóa: Trường hợp người Hmông Tin Lành, tỉnh Lào Cai.	01	X	Tạp chí <i>Bảo tàng và Nhân học</i> ISSN 0866-7616			Số 2(22) Tr. 3-18	2018
75	Nghiên cứu vùng biên giới: Vấn đề, lý thuyết và phương pháp	01	X	<i>Một số vấn đề về dân tộc, tộc người ở vùng biên giới và liên, xuyên biên giới ở nước ta hiện nay.</i> Viện Dân tộc học (ed.), NXb Khoa học Xã hội, Hà Nội. ISBN9786049563782			Chương sách Tr. 27-54	2018
76	Về chính sách hỗ trợ phát triển và bảo tồn văn hóa các dân tộc rất ít người ở Việt Nam	01	X	Viện Dân tộc học (ed.) <i>Một số vấn đề về tộc người và chính sách dân tộc người ở nước ta hiện nay.</i> NXb Khoa học Xã hội, Hà Nội ISBN9786049563782			Chương sách Tr.298-322	2019
77	Các nhóm cư dân xuyên biên giới Việt-Trung, bản sắc văn hóa và thành phần tộc người	01	X	Tạp chí <i>Khoa học Xã hội và Nhân văn</i> ISSN 2354 - 1172			Tập 5, số 3 Tr. 266-281	2019
78	Truyền thống và biến đổi trong cấu trúc cộng đồng làng Việt	01	X	In: Các giá trị truyền thống và con người Việt Nam hiện nay. Phan Huy Lê, Vũ Minh Giang (Cb.) Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh			Chương sách Tr. 235-254	2020
79	Nhân học giáo dục (Viết chung)	02		In: <i>Nhân học: Ngành khoa học về con người.</i> Nguyễn Văn Sửu (Cb.) Đại học Quốc gia, Hà Nội ISBN 978-604-336-140-7			Chương sách, 296-310	2020
80				In: <i>Nhân học: Ngành khoa học về con người.</i> Nguyễn			Chương	2020

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	Nhân học đô thị	01	X	Văn Sừu (Cb.), Đại học Quốc gia, Hà Nội. ISBN 978-604-336-140-7		sách, Tr. 257-275	
81	Người Hoa ở vùng biên giới Đông Bắc, bản sắc, quê hương và cố hương.	01	X	Tạp chí <i>Dân tộc học</i> ISSN 0866 7632		Số 5 (221), Tr. 3-23	2020
82	Nguồn lực văn hóa và phát triển cộng đồng nhìn từ quan điểm nhân học	01	X	Tạp chí <i>Dân tộc học</i> ISSN 0866 7632		Số 5(227), Tr. 3-16	2021
83	Người Mông trên thế giới	01	X	In: <i>Những rẻo cao mây phủ</i> . Nguyễn Quang Hưng chủ biên. NXB Hội Nhà văn, Hà Nội ISBN 978-604347-246-2		Chương sách, Tr. 65-112	2021
84	Người Ngái ở Việt Nam: Lịch sử, Văn hóa và Ý thức về bản sắc	01	X	Tạp chí <i>Dân tộc học</i> ISSN 0866 7632		Số 2 (230) Tr. 3-19	2022
85	Di cư, đói nghèo và phát triển (sách chuyên khảo phục vụ đào tạo)	01	X	Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội ISBN: 978-604-308-788-8		426 trang	2021

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

- 05 bài thuộc danh mục ISI/Scopus (TL 36, 41, 43, 50, 58).
- 10 chương sách và 03 bài báo do các nhà xuất bản & tạp chí khoa học có uy tín thế giới xuất bản (TL 35, 37, 39, 42, 45, 48, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57).

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
 7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KH-CN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
2						
...						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng

ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

*Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.*

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo: Trường hợp chưa đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo, đề xuất thay thế bằng một công trình khoa học nằm trong danh mục ISI/Scopus, [bài số 41 theo thứ tự trong danh mục].
- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo: Trường hợp còn thiếu điểm biên soạn giáo trình, đề xuất thay thế bằng 01 công trình khoa học thuộc danh mục ISI/Scopus, [bài số 58 theo thứ tự trong danh mục].

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2022

NGƯỜI ĐĂNG KÝ
(Ký và ghi rõ họ tên)



NGUYỄN VĂN CHÍNH